

Số: 244/KH-BCĐTUVSATTP

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

KẾ HOẠCH

Triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016

Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Y tế chủ trì phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương tổ chức “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”.

Căn cứ chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 7/1/2016 của Văn phòng Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-BNN-QLCL ngày 02/03/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; Căn cứ thực tế công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trong thời gian qua và dự báo diễn biến tình hình năm 2016. Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016 (sau đây gọi tắt là Tháng hành động) sẽ được triển khai như sau:

I. CHỦ ĐỀ “THÁNG HÀNH ĐỘNG” NĂM 2016: “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp luôn được quan tâm, có những chiến dịch cao điểm được triển khai và đã đạt được một số kết quả quan trọng, bước đầu ngăn chặn hiệu quả, xử lý nghiêm các trường hợp lưu thông, buôn bán và sử dụng chất cấm trong chăn nuôi. Tuy nhiên, vấn đề đảm bảo ATTP vẫn còn bức xúc nổi cộm khi việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi chưa triệt để, tỷ lệ mẫu rau chứa tồn dư thuốc bảo vệ thực vật vẫn còn cao, tình trạng lạm dụng hóa chất, kháng sinh trong nuôi thủy sản ảnh hưởng đến sức khỏe và niềm tin của người tiêu dùng.

Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016 cần tập trung giải quyết vấn đề an toàn thực phẩm một cách căn cơ, từ gốc: bắt đầu từ khâu thức ăn, mở rộng sản xuất nông sản an toàn, đồng thời tạo dựng thị trường cho việc tiêu thụ sản phẩm an toàn, xử lý nghiêm các vi phạm trong kinh doanh và sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, tập trung tạo đột phá, chuyển biến ở 4 lĩnh vực chính: chất cấm trong chăn nuôi; hóa chất, kháng sinh cấm trong nuôi trồng thủy sản; thuốc BVTV và phân bón hữu cơ, phân bón khác. Nhằm tiếp nối các kết quả đã đạt được trong năm 2015. Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm Trung ương chọn chủ đề của Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 là “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”.

II. MỤC TIÊU:

1. Giải quyết căn bản bức xúc nổi cộm hiện nay là sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; giảm thiểu rõ nét mức tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong rau, quả; tồn dư hóa chất, kháng sinh trong thịt lợn, thịt gà, thủy sản nuôi, tạo niềm tin cho người tiêu dùng thực phẩm nông sản, thủy sản; đồng thời, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn.

2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán thực phẩm, đặc biệt là các chợ đầu mối, cung ứng rau, thịt, nông sản.

3. Giảm thiểu ngộ độc thực phẩm từ rau, thịt mất an toàn thực phẩm

III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI:

- Thời gian: 15/04/2016 đến 15/5/2016.

- Phạm vi triển khai: Trên phạm vi toàn quốc.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG:

Ngoài các hoạt động thường xuyên bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, “Tháng hành động” năm 2016 còn là điểm nhấn trong năm, tạo nên đợt cao điểm, phát động một chiến dịch truyền thông đầy mạnh các hoạt động vì chất lượng ATTP và chủ động phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm, hạn chế tối đa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể và các bệnh truyền qua thực phẩm do sử dụng sản phẩm thực phẩm không an toàn nói chung và rau, thịt nói riêng.

Chú ý đến các hoạt động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các cấp, các đoàn thể chính trị xã hội, trách nhiệm của cộng đồng bao gồm trách nhiệm của cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng đối với công tác bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt là sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn.

Với chủ đề chính của năm 2016 như đã nêu, các hoạt động chính được triển khai như sau:

1. Tổ chức triển khai “Tháng hành động”:

- **Tại Trung ương:** Các thành viên Ban chỉ đạo Liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm Trung ương, Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, ngành tham dự hội nghị, lễ phát động “Tháng hành động” năm 2016 của các địa phương.

- **Tại địa phương:** Các địa phương tổ chức hội nghị, lễ phát động triển khai “Tháng hành động” ở tất cả các tỉnh/ thành phố, quận/huyện, xã/phường.

Thời gian: Từ ngày 15/4 đến 20/4/2016

2. Triển khai chiến dịch truyền thông bảo đảm an toàn thực phẩm (xem phụ lục I)

Tại Trung ương:

- Huy động các cơ quan thông tấn báo chí ở Trung ương và địa phương tham gia chiến dịch truyền thông về bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo diễn đàn trao đổi sâu rộng giữa các nhà khoa học, nhà quản lý, người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về sản xuất, kinh doanh thực phẩm rau, thịt theo pháp luật. Quản lý kinh doanh rau, thịt trong các chợ đầu mối, cửa hàng chuyên doanh, các siêu thị, chợ bán lẻ, các cơ sở sản xuất, nhập khẩu rau, thịt.

- Phối hợp với Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội, các phương tiện truyền thông thích hợp để phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm, các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp về an toàn thực phẩm; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và kiến thức khoa học về VSATTP, tác hại của thực phẩm không an toàn; giám sát, hướng dẫn các mô hình sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn; mở rộng diện tích trồng rau an toàn, tăng các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung bảo đảm an toàn thực phẩm; tuyên truyền vận động nhân dân trong việc tố giác các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sử dụng chất cấm, tiêu thụ, vận chuyển thực phẩm không an toàn đến các cơ quan chức năng.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí thông tin đến người dân kết quả thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm, trong đó công khai tên các cơ sở cung cấp các sản phẩm rau, thịt không đảm bảo an toàn và biểu dương các cơ sở cung cấp sản phẩm rau, thịt đảm bảo an toàn.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của UBND các cấp, trách nhiệm của cộng đồng bao gồm trách nhiệm của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh, của người tiêu dùng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nói chung và bảo đảm an toàn thực phẩm rau, thịt nói riêng.

Tại địa phương:

Sở Y tế phối hợp với các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị, xã hội tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo đài, tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề về an toàn thực phẩm. Đặc biệt huy động hệ thống loa truyền thanh xã phường tham gia tuyên truyền an toàn thực phẩm.

2.2. Đối tượng ưu tiên truyền thông:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế/giết mổ, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu, kinh doanh rau, thịt.

- Chính quyền các cấp, ban quản lý chợ, siêu thị, chợ đầu mối, khu du lịch, khu công nghiệp.

- Người tiêu dùng.

2.3. Nội dung truyền thông:

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cách sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu dùng rau, thịt an toàn: Nói không với chất cấm trong chăn nuôi; thực hiện tốt các quy

định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, hóa chất, phụ gia; vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ sơ chế, chế biến rau, thịt, vệ sinh cá nhân trong việc phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm;

- Tuyên truyền, phổ biến, tăng cường nhận thức, làm rõ trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Gửi tin bài về hoạt động triển khai Tháng hành động tại địa phương để đăng trên website của các Bộ, ngành.

3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 (xem Phụ lục II).

3.1. Tại Trung ương: Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương tổ chức các Đoàn thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Trung ương trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm của các Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm địa phương, quy định trách nhiệm của chính quyền cơ sở cấp quận/huyện, xã/phường trong việc quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến từ rau, thịt trên địa bàn quản lý; kiểm tra thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến từ rau, thịt việc thực hiện các cam kết bảo đảm ATTP theo quy định của pháp luật.

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra, các đoàn thanh, kiểm tra nhận xét, đánh giá kết quả việc thực hiện Chỉ thị 34/CT-TTg và việc triển khai Tháng hành động năm 2016 đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước về ATTP từ Trung ương đến địa phương.

3.2. Tại địa phương:

Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Tháng hành động năm 2016 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, các Bộ ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP tỉnh chỉ đạo các Sở Y tế phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra Tháng hành động tại địa phương và thực hiện từ tuyến tỉnh đến quận/huyện, phường/xã; chuẩn bị nội dung báo cáo của địa phương với các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành VSATTP Trung ương; tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch đã xây dựng.

Các đoàn thanh tra, kiểm tra tổ chức đầy đủ thành phần đủ quyền lực, chuẩn bị đầy đủ các văn bản có liên quan, trang thiết bị kỹ thuật lấy mẫu, dụng cụ kiểm tra nhanh tại hiện trường, xử lý nghiêm và kịp thời các vi phạm trong sản xuất, kinh doanh, sơ chế, chế biến rau, thịt. Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, thịt đã được xếp loại C trong các đợt kiểm tra theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

4. Công tác báo cáo tổng kết Tháng hành động:

Kết thúc Tháng hành động năm 2016, Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP các địa phương và các Ban, ngành, đoàn thể liên quan, báo cáo kết quả hoạt động (*theo mẫu đính kèm*) về Ban chỉ đạo liên ngành VSATTP Trung ương (Cục An toàn thực phẩm) số 135 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội; Điện thoại: (04) 38464489 số máy lẻ 5070; Fax: (04) 38463739

Email: phongtruyenthong@vfa.gov.vn trước ngày **25/5/2016** để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

V. NGUỒN LỰC:

1. Kinh phí.

- Nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu dân số và y tế.
- Kinh phí hỗ trợ của địa phương, Bộ, ngành hoặc của các tổ chức phi Chính phủ trong và ngoài nước.
- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Tài liệu.

- Địa tiếng: Sử dụng Thông điệp của Tháng hành động năm 2015.
- Địa hình: Sử dụng Thông điệp của Tháng hành động năm 2015.
- Các địa phương chủ động xây dựng tài liệu truyền thông cho địa phương dựa trên tài liệu tham khảo đăng trên trang điện tử của Cục ATVSTP (địa chỉ <http://vfa.gov.vn>) và tài liệu nhân bản do Chi cục ATVSTP cung cấp.

VI. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI.

1. Cơ quan chủ trì:

1.1. Tại Trung ương:

- Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP (Bộ Y tế là cơ quan thường trực, đặt tại Cục ATTP)

1.2. Tại địa phương:

- Ban chỉ đạo liên ngành về VSATTP các tỉnh/thành phố.
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, huyện, thị xã, xã, phường.
- Cơ quan thường trực: Sở Y tế các tỉnh/thành phố, Chi cục ATTP, phòng Y tế quận, huyện, Trung tâm y tế quận, huyện, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

2. Cơ quan phối hợp:

Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa-Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài Chính, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam.

3. Các tổ chức, đoàn thể, quần chúng:

Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Liên hiệp Hội Thanh niên Việt Nam; Hội Chũ thập đỏ, Hội Khoa học kỹ thuật ATTP Việt Nam; Hiệp hội Thực phẩm chức năng, Hội Tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai Tháng hành động.

VII. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN.

1/ Xây dựng kế hoạch “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016 và phân công tổ chức triển khai thực hiện.

- Tại Trung ương: Trước ngày 25/03/2016

- Tại địa phương: Trước ngày 30/03/2016

2/ Cấp phát tài liệu: Trước ngày 30/3/2016

3/ Triển khai chiến dịch tuyên truyền: Từ 01/04 đến 15/05/2016.

4/ Tổ chức Lễ phát động, Hội nghị, Hội thảo: Từ 15/04 đến 20/04/2016.

5/ Tổ chức thanh tra, kiểm tra: Từ 15/04 đến 15/05/2016.

6/ Báo cáo, tổng kết: Từ 15/05 đến 25/05/2016.

Nơi nhận:

- TTg Nguyễn Tấn Dũng (để b/c);
- PTT Vũ Đức Đam (để b/c);
- VP Chính phủ (để b/c);
- Các bộ: Y tế, NN&PTNT, Công Thương;
- Các cơ quan, tổ chức tại mục 2, 3 phần IV của Kế hoạch này;
- Thành viên BCDTƯ về VSATTP;
- Viện kiểm nghiệm ATVSTP QG, DD, VSYTCC, Pasteur Nha trang, VSĐT Tây nguyên;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các Chi cục ATVSTP;
- Báo SKDS, Trung tâm TTGDSK Bộ Y tế;
- VP Bộ Y tế, Vụ KHTC, Vụ PC, TTr Bộ;
- website Bộ Y tế, website Cục ATTP;
- Lưu: VT, ATTP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**



**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
Nguyễn Thị Kim Tiên**

PHỤ LỤC 1

Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016

(Kèm theo Kế hoạch số 241 /KH-BCĐTUVSATTP ngày 22 tháng 3 năm 2016)

I. CHỦ ĐỀ “THÁNG HÀNH ĐỘNG” NĂM 2016: “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”

Rau, thịt là thực phẩm chủ lực và phổ biến trong bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam. Tuy nhiên thực phẩm rau, thịt cũng tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ cao như tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng trên rau; tồn dư chất cấm, thuốc kháng sinh trên thịt; nhiễm vi sinh trên rau, thịt... Sản phẩm rau, thịt không đảm bảo an toàn thực phẩm có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm, gây ra các bệnh đường ruột, các bệnh mãn tính, tiềm ẩn ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài tới sức khoẻ người tiêu dùng; ảnh hưởng đến an sinh xã hội.

Nhằm tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức, cá nhân biết và tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm, tiếp tục nhân rộng các mô hình điểm về an toàn thực phẩm rau, thịt trên cả nước; từng bước hạn chế những nhược điểm, nguy cơ tiềm ẩn mà thực phẩm rau, thịt có thể mang đến, Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm tổ chức triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016 với chủ đề: “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”

II. MỤC TIÊU

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở các cấp, người quản lý; nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đối với rau, thịt là sản phẩm tiêu dùng hàng ngày.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm an toàn thực phẩm rau, thịt tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, nhập khẩu, lưu thông, buôn bán thực phẩm, đặc biệt là các chợ đầu mối.

- Giảm thiểu ngộ độc thực phẩm từ rau, thịt mất an toàn thực phẩm

III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRUYỀN THÔNG:

1. Cơ sở sản xuất, sơ chế/ chế biến, kinh doanh rau.
2. Cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế/ chế biến, kinh doanh thịt.
3. Chính quyền các cấp, ban quản lý chợ đầu mối, siêu thị, cơ sở tiêu dùng rau, thịt (nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể...).
4. Người tiêu dùng thực phẩm

IV. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG:

+ Tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm rau, thịt an toàn, nâng cao vai trò trách nhiệm, tầm quan trọng của việc thực

hiện tốt các quy định bảo đảm an toàn sản xuất rau, thịt, quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, sử dụng hóa chất, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi phòng ngừa nguy cơ ô nhiễm rau, củ, quả, nông sản do tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục, góp phần vào giảm thiểu ngộ độc thực phẩm từ rau, thịt.

+ Đưa tin, tuyên truyền về các hoạt động bảo đảm ATTP rau, thịt trên địa bàn cả nước.

+ Biểu dương các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm, đồng thời phê phán, đưa tin các đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định pháp luật về bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm rau, thịt.

+ Chỉ rõ các vấn đề bức xúc nhất hiện nay trong công tác quản lý ATTP, nêu rõ trách nhiệm của các nhà quản lý, của các cấp chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và từng cá nhân, tập thể trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm tại các sự việc cụ thể. Chẳng hạn chỉ rõ những vấn đề tồn đọng trong công tác quản lý ATTP của các nhà quản lý, lãnh đạo, các ban ngành, đoàn thể, các cấp chính quyền.

+ Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn cho các đối tượng hiểu đúng, thực hiện đúng Luật an toàn thực phẩm, Nghị định hướng dẫn Luật ATTP, các thông tư quy định bảo đảm an toàn thực phẩm

Đặc biệt tập trung tuyên truyền giáo dục đến các nhóm đối tượng ưu tiên, cụ thể như sau:

1. Người sản xuất, kinh doanh rau, thịt

- Các văn bản QPPL, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các hệ thống quản lý ATTP, an toàn dịch bệnh trong sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh rau, thịt.

- Các quy phạm thực hành, các hệ thống VietGAP, HACCP, trong sản xuất, kinh doanh rau, thịt bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Giới thiệu, biểu dương các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rau, thịt bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trong danh mục được phép sử dụng và theo nguyên tắc “4 đúng”.

- Sử dụng thuốc thú y, kháng sinh trong danh mục được phép sử dụng; sử dụng thuốc thú y, thuốc kháng sinh đúng nguyên tắc; sử dụng thức ăn chăn nuôi phù hợp, an toàn, không chứa chất cấm.

2. Đối với người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm:

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.

- Nghị định 178/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm

- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 về ghi nhãn hàng hóa.

- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công thương và của liên bộ về bảo đảm ATTP theo từng lĩnh vực cụ thể.

- Các mô hình, hệ thống quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm như: HACCP (ISO 22000), GMP, GHP, VietGAP, GLOBAL GAP...

3. Nhà lãnh đạo, nhà quản lý, chính quyền các cấp:

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP;

- Nghị định 178/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

- Nghị định 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo;

- Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 về ghi nhãn hàng hóa;

- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 9/11/2012 hướng dẫn việc công bố hợp quy và phù hợp quy định ATTP.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Công Thương.

4. Người tiêu dùng thực phẩm:

- Cần tuyên truyền để người tiêu dùng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ mình trong an toàn thực phẩm. Đặc biệt là quyền khiếu nại, trách nhiệm khai báo, tố giác các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, rau, thịt.

- Hướng dẫn cách chọn mua, chế biến, bảo quản và tiêu dùng rau, thịt an toàn.

- Tuyên truyền để người tiêu dùng có thói quen từ chối các cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, thịt không đảm bảo an toàn thực phẩm; Không tiêu thụ những sản phẩm rau, thịt không rõ nguồn gốc hoặc có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng; Khai báo khi bị ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

V. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG:

- Kênh truyền thông đại chúng: Huy động đài phát thanh, truyền hình, báo chí dành nhiều thời gian, thời lượng phát sóng tuyên truyền về ATTP. Đặc biệt phát huy hệ thống đài truyền thanh ở xã, phường, khu phố để tập trung chuyên tải thông điệp Tháng hành động đến các nhóm đối tượng ưu tiên. Tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp trên truyền hình, truyền thanh về ATTP, phổ biến các nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật về ATTP để nâng cao hiệu quả thực thi, đưa nội dung của văn bản quy phạm pháp luật vào cuộc sống.

- Kênh truyền thông trực tiếp: Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, biên phòng, nông nghiệp phát triển nông thôn, các ban ngành, đoàn thể (như Mặt trận tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, lực lượng vũ trang, cộng tác viên y tế thôn, bản...) với các hình thức dễ tiếp thu như hướng dẫn thực hành cụ thể theo nhóm, nói chuyện, hội thảo, hội diễn, hội thi quần chúng, hội thi cộng tác viên tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm rau, thịt... Ngoài ra, đưa vào thảo luận và có nghị quyết về đảm bảo ATTP trong các đợt sinh hoạt của các cấp ủy đảng.

- Các kênh truyền thông khác: Tùy từng địa phương, phong tục, tập quán, địa bàn dân cư triển khai các hình thức truyền thông phù hợp như băng - rôn, khẩu hiệu, triển lãm, hướng dẫn cụ thể bằng cách “cầm tay chỉ việc”.

Đặc biệt, cần huy động sự hưởng ứng tham gia của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và các tổ chức, đoàn thể bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cùng tham gia vào các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các nội dung bảo đảm an toàn thực phẩm rau, thịt.

VI. KHẨU HIỆU ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM THÁNG HÀNH ĐỘNG NĂM 2016

- 1. Nhiệt liệt hưởng ứng “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2016*
- 2. Chinh quyền các cấp, các cơ quan chức năng hãy quyết tâm ngăn chặn thực phẩm rau, thịt không an toàn*
- 3. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, kinh doanh, sử dụng thực phẩm không an toàn; gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch.*
- 4. Vì sức khỏe người tiêu dùng, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng.*
- 5. Vì sức khỏe người tiêu dùng, hãy đảm bảo thời gian cách ly sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.*
- 6. Vì sức khỏe người tiêu dùng, không sử dụng hóa chất, kháng sinh ngoài danh mục, chất cấm trong chăn nuôi.*
- 7. Không sử dụng phẩm màu độc hại, các chất phụ gia, hóa chất ngoài danh mục cho phép trong sản xuất, chế biến thực phẩm.*
- 8. Sử dụng rau, thịt mất vệ sinh, không an toàn là tự tìm đến bệnh tật.*
- 9. Lựa chọn rau, thịt sạch, rõ nguồn gốc xuất xứ cho bữa ăn ngon, an toàn sức khỏe.*
- 10. Chủ động phát hiện hành vi vi phạm an toàn thực phẩm và báo cho cơ quan chức năng gần nhất*
- 11. Để đảm bảo an toàn thực phẩm hãy ăn chín, uống sôi, rửa tay thường xuyên bằng xà phòng.*

Đơn vị:.....
Tel :.....
Fax :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM

Kính gửi:

I. Công tác chỉ đạo

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh	So sánh với năm trước (tăng/giảm%)
		Tổng số xã	Số xã thực hiện*	Tổng số huyện	Số huyện thực hiện*		
1	Xây dựng Kế hoạch Tháng hành động						
2	Tổ chức Lễ phát động						
3	Họp BCD triển khai Tháng hành động						
4	Công văn chỉ đạo						
5	Hội nghị triển khai						
6	Hội nghị tổng kết						

* Ghi chú: Nếu là báo cáo của xã, huyện thì ghi vào ô này: "+" : triển khai; "-" : không triển khai.

II. Chiến dịch truyền thông

TT	Tên hoạt động	Kết quả		
		Số buổi	Số người tham dự	So sánh với năm trước (Tăng hay giảm %)
1	Tập huấn			
2	Hội thảo			
3	Nói chuyện			
		Số tin bài	Số lần phát sóng	So sánh với năm trước (Tăng hay giảm %)

				giảm %)
4	Báo viết			
5	Phát thanh			
6	Truyền hình			
7	Sản phẩm truyền thông			
		Số lượng	So sánh với năm trước (Tăng hay giảm %)	
	Băng rôn, khâu hiệu (chiếc)			
	Tranh, áp phích (tờ)			
	Băng, đĩa hình (băng)			
	Băng, đĩa âm (băng)			
	Tờ rơi			
	Tờ gấp			
	Khác			
8	Hoạt động khác			

III. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Số lượng:.....đoàn; Trong đó:.....đoàn chuyên ngành;.....đoàn liên ngành tuyển tỉnh, tuyển huyện, tuyển xã, phường.

2. Kết quả

T	Loại hình	Xã				Huyện				Tỉnh			
		TS cơ sở	TS cơ sở được TT, Ktr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)	TS cơ sở	TS cơ sở được TT, Ktr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)	TS cơ sở	TS cơ sở được TT, Ktr	Số đạt	Tỉ lệ đạt (%)
1	Cơ sở SX thực phẩm												
2	Cơ sở KD thực phẩm												
3	Cơ sở KDDV&U												
4	Cơ sở KDT&ĐP												
	Cộng												

3. Xử lý cơ sở vi phạm

T T	Loại hình	Kết quả					
		Nhắc nhờ	Phạt cảnh cáo	Phạt tiền (đồng)	Số cơ sở bị hủy SP	Số cơ sở bị đóng cửa	Khác
1	Cơ sở SX thực phẩm						
2	Cơ sở KD thực phẩm						
3	Cơ sở KDDVAU						
4	Cơ sở KDTADP						
Cộng							

IV. Kiểm nghiệm

4.1 Tuyến tính

- Kiểm nghiệm định tính bằng tets kiểm tra nhanh hóa học

TT	Tên mẫu thực phẩm	Số lượng	Kết quả (+)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (test thử chất gì)

- Kiểm nghiệm định tính bằng tets kiểm tra nhanh Vi sinh

TT	Tên mẫu thực phẩm	Số lượng	Kết quả (+)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (test thử chất gì)

- Kiểm nghiệm định lượng

TT	Tên mẫu thực phẩm	Nơi làm XN		Kết quả			Tên chỉ tiêu kiểm nghiệm
		Tuyến tính	Viện kiểm nghiệm	Tổng số	Đạt (+)	Tỉ lệ đạt (%)	
Cộng							

4.2 Tuyến quận/huyện/thị xã

- Kiểm nghiệm định tính bằng tets kiểm tra nhanh hóa học

TT	Tên mẫu thực phẩm	Số lượng	Kết quả (+)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (test thử chất gì)

- Kiểm nghiệm định tính bằng tets kiểm tra nhanh Vi sinh

TT	Tên mẫu thực phẩm	Số lượng	Kết quả (+)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú (test thử chất gì)

- Kiểm nghiệm định lượng

TT	Tên mẫu thực phẩm	Nơi làm XN		Kết quả			Tên chỉ tiêu kiểm nghiệm
		Tuyến tỉnh	Tuyến huyện	Tổng số	Đạt (+)	Tỉ lệ đạt (%)	
Cộng							

V. Ngộ độc thực phẩm

TT	Nội dung	Kết quả		So sánh năm nay/năm trước	
		Số liệu năm nay	Số liệu năm trước	Tăng	Giảm
1	Số vụ				
2	TS mắc				
3	Số đi viện				
4	Số tử vong				

Cộng				
------	--	--	--	--

VI. Các hoạt động khác (nếu có ghi cụ thể)

.....
.....
.....

VII. Đánh giá chung

1. Thuận lợi:

.....
.....

2. Khó khăn:

.....
.....

3. Đề xuất, kiến nghị:

.....
.....

Nơi gửi:

- Như trên;
- 1.uu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký tên đồng dấu)

PHỤ LỤC 2

Hướng dẫn chi tiết triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 (Kèm theo Kế hoạch số: 241 /KH-BCĐTUVSATTP ngày 22 /3 /2016)

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-BCĐTUVSATTP ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm về việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm năm 2016;

Căn cứ chủ đề Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm hướng dẫn chi tiết việc triển khai thanh tra, kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Kiểm tra, đánh giá việc triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 của các cấp, các ngành; việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm tập trung vào các thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt theo chủ đề của Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 là “Tiếp tục tăng cường sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng rau, thịt an toàn”.

- Thông qua đợt thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những bất cập, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về bảo đảm an toàn thực phẩm, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Yêu cầu:

- Thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề tồn tại trong quản lý, những vi phạm về bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, tiêu dùng thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các qui định của pháp luật, các kiến thức về bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Đảm bảo đúng tiến độ, theo sự chỉ đạo thống nhất của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước:

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới và triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016, bao gồm:

+ Việc tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp;

+ Việc lập kế hoạch và triển khai Tháng hành động năm 2016;

+ Việc triển khai các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến thức về an toàn thực phẩm tại từng địa phương;

- Việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm.

2. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt: Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại các văn bản:

-- Luật an toàn thực phẩm năm 2010.

- Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

- Thông tư 15/2012/TT-BYT ngày 12/9/2012 của Bộ Y tế Quy định điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09/11/2012 của Bộ Y tế Hướng dẫn việc công bố hợp quy và phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11/12/2014 của Bộ Y tế hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế về hướng dẫn quản lý thực phẩm chức năng.

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế Quy định hoạt động kiểm tra an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

- Thông tư liên tịch số 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27/10/2014 của liên Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn.

- Thông tư số 75/2011/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Thông tư số 03/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam và công bố mã HS đối với thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.
- Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
- Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Thông tư số 28/2014/TT-BNNPTNT ngày 04/9/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam.
- Thông tư số 24/2014/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với chợ đầu mối, đầu giá nông sản.
- Thông tư số 19/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2013/TT-BNNPTNT ngày 09/8/2013 ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam.
- Thông tư số 02/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định trình tự, thủ tục cấp và thu hồi Giấy xác nhận thực vật biến đổi gen đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi.
- Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra cơ sở SXKD vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở SXKD nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
- Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.
- Thông tư số 13/2011/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu.

- Thông tư số 25/2010/TT-BNNPTNT ngày 08/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng hóa có nguồn gốc động vật nhập khẩu.

- Các Thông tư của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và của liên Bộ về bảo đảm an toàn thực phẩm theo từng lĩnh vực cụ thể.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra tập trung xem xét các nội dung:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm).

- Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ).

- Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn đối với những sản phẩm phải công bố.

- Nhãn sản phẩm thực phẩm đối với những sản phẩm thuộc diện phải ghi nhãn.

- Tài liệu quảng cáo, hồ sơ đăng ký quảng cáo đối với những cơ sở có quảng cáo sản phẩm thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Hồ sơ theo dõi về chất lượng sản phẩm, phiếu kiểm nghiệm định kỳ đối với thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt có bao gói sẵn đã qua chế biến.

- Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt, trang thiết bị, dụng cụ, con người được quy định tại Luật an toàn thực phẩm và Thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương.

- Quy trình sản xuất, chế biến, bảo quản đối với cơ sở sản xuất thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

- Nguồn gốc nguyên liệu, phụ gia thực phẩm.

- Nguồn nước dùng cho chế biến thực phẩm.

- Việc kinh doanh và sử dụng hóa chất, kháng sinh cấm; thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y. Kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định khi cần thiết.

III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Phương pháp kiểm tra: Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại cơ sở sản xuất, kinh doanh rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra chú trọng:

- Nghe báo cáo việc chấp hành các quy định bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở.

- Thu thập tài liệu liên quan.
- Kiểm tra thực tế cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Lấy mẫu để kiểm nghiệm xác định các chỉ tiêu an toàn thực phẩm.
- Lập biên bản thanh tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có).
- Phân tích, đánh giá hồ sơ liên quan an toàn thực phẩm.
- Phân tích, đánh giá kết quả kiểm nghiệm để hoàn thành báo cáo.

Kết thúc đợt thanh tra, kiểm tra yêu cầu các địa phương, các Đoàn thanh tra nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 và triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 của địa phương; đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt; đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý an toàn thực phẩm đối với thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt.

2. Xử lý vi phạm

2.1. Các căn cứ để xử lý vi phạm

- Luật an toàn thực phẩm năm 2010.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
- Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.
- Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa.
- Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.
- Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi.
- Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12/9/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.
- Các Nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

2.2. Thực hiện xử lý vi phạm

Các đoàn thanh tra, kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; tuyệt đối không để thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt không bảo đảm an toàn thực phẩm, không rõ nguồn gốc lưu thông trên thị trường. Xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm. Áp dụng các biện pháp đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, khắc phục hậu quả; tịch thu tang vật, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về an toàn thực phẩm (nếu có).

Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm theo đúng quy định của pháp luật.

IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

A. Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra

Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm Trung ương giao các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức 06 đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, tiến hành thanh tra tại 12 tỉnh, thành phố, cụ thể bao gồm:

Đoàn số 1: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì) (Bao gồm cả đơn vị kỹ thuật thuộc Cục) phối hợp với Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế), Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường- C49 (Bộ Công an) tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Hà Nam, Lào Cai.

Đoàn số 2: Cục Bảo vệ thực vật chủ trì phối hợp với Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường- C49 (Bộ Công an), Viện Vệ sinh y tế công cộng Tp. Hồ Chí Minh tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai.

Đoàn số 3: Vụ Khoa học và Công nghệ (Bộ Công Thương) chủ trì phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương), Cục Báo chí (Bộ Thông tin & truyền thông) Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Thanh Hóa, Nghệ An.

Đoàn số 4: Cục Quản lý thị trường chủ trì phối hợp với Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Thanh tra Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Lâm Đồng, Đắk Nông.

Đoàn số 5: Cục An toàn thực phẩm chủ trì phối hợp với Vụ Khoa học công nghệ Bộ Công thương, Cục Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Viện Vệ sinh y tế công cộng Tp. Hồ Chí Minh tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Cần Thơ, Hậu Giang.

Đoàn số 6: Thanh tra Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý thị trường, Cục Thú y, Viện Pasteur Nha Trang tiến hành thanh tra, kiểm tra tại Khánh Hòa, Bình Định.

Bên cạnh 06 Đoàn liên ngành Trung ương, các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương giao các đơn vị chức năng thanh tra, kiểm tra đột xuất tại các tỉnh, thành phố nhằm triển khai hiệu quả Tháng hành động.

B. Lấy mẫu kiểm nghiệm

1. Tại tuyến trung ương

- Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn quyết định trên cơ sở căn cứ tình hình thực tế nguy cơ mất an toàn thực phẩm tại nơi được thanh tra.

- Kinh phí cho việc mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu:

+ Đối với các đoàn có đại diện của các Viện trực thuộc Bộ Y tế tham gia, kinh phí mua mẫu, kiểm nghiệm mẫu do các Viện chịu trách nhiệm bảo đảm từ kinh phí Chương trình mục tiêu y tế năm 2016.

+ Đối với các đoàn có đại diện đơn vị kỹ thuật của các Bộ tham gia, kinh phí mua mẫu, kiểm nghiệm mẫu do đơn vị Trưởng đoàn hoặc các đơn vị kỹ thuật được giao lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu bảo đảm.

2. Tại các địa phương: Ban Chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm của địa phương quy định cụ thể việc lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

C. Tiến trình thực hiện

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra xong trước ngày 28/3/2016 (địa phương xong trước 30/3/2016).

2. Triển khai thanh tra, kiểm tra tại cơ sở

2.1. Tại Trung ương

- Tổ chức các Đoàn thanh tra, kiểm tra: Trước ngày 10/4/2016.

- Thanh tra, kiểm tra tại các địa phương: Từ 15/4/2016 - 15/5/2016.

2.2. Tại địa phương: Căn cứ Kế hoạch triển khai Tháng hành động năm 2016 của Trung ương, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh, thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra trên địa bàn (gồm cả tuyến quận, huyện và xã, phường) trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện; bảo đảm hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra trước ngày 15/5/2016.

3. Báo cáo kết quả

- Báo cáo của các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành Trung ương thực hiện theo mẫu 2 gửi về Cục An toàn thực phẩm trước ngày 20/5/2016.

- Báo cáo của địa phương (thuộc danh sách 12 tỉnh, thành phố Đoàn liên ngành Trung ương thanh tra, kiểm tra) tổng hợp khi Đoàn liên ngành Trung ương đến làm việc thực hiện **theo mẫu 3** (số liệu tính đến thời điểm Đoàn liên ngành trung ương đến làm việc).

- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra trong Tháng hành động của địa phương thực hiện **theo mẫu 2** (số liệu tính đến hết Tháng hành động) gửi về Cục ATTP cùng với báo cáo kết quả triển khai Tháng hành động năm 2016 trước ngày **25/5/2016**.

D. Bảo đảm kinh phí, phương tiện đi lại

1. Tại tuyến trung ương: Tiền vé máy bay/tàu hoả, tiền ngủ, công tác phí cho các thành viên đoàn thanh tra do cơ quan cử cán bộ tham gia tự bảo đảm. Đơn vị Trưởng đoàn chịu trách nhiệm bảo đảm xe ô tô chở đoàn thanh tra, kiểm tra đi lại trong từng khu vực được phân công.

2. Tại các địa phương: Kinh phí và phương tiện bảo đảm cho công tác thanh tra, kiểm tra do địa phương quy định. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành./.

BÁO CÁO

Kết quả thanh tra, kiểm tra trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2016 do Đoàn liên ngành Trung ương thực hiện

I. Ghi nhận báo cáo của các địa phương với Đoàn liên ngành Trung ương.

1. Công tác chỉ đạo của địa phương.
2. Công tác tuyên truyền, giáo dục.
3. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch Tháng hành động năm 2016.

II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm do đoàn liên ngành Trung ương phối hợp với địa phương thực hiện:

Bảng 1: Tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số được thanh tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý Trong đó:		
3.1	Số cơ sở vi phạm đã được xử lý ngay trong quá trình thanh tra (<i>nêu rõ hình thức xử lý</i>):		
3.2	Số cơ sở có vi phạm đã giao địa phương xử lý		

Bảng 2: Nội dung vi phạm chủ yếu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là rau, thịt và sản phẩm chế biến từ rau, thịt:

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật			
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
3	Điều kiện vệ sinh trang thiết bị dụng cụ			
4	Điều kiện về con người			
5	Công bố sản phẩm			
6	Ghi nhãn thực phẩm			
7	Quảng cáo thực phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 3: Kết quả kiểm nghiệm mẫu do đoàn Trung ương thực hiện

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số xét nghiệm tại labo			
2	Xét nghiệm nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung

Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu tại các bảng từ 1 - 3; nêu rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế của từng địa phương.

IV. Đề xuất kiến nghị của đoàn và ghi nhận kiến nghị của địa phương. (ghi cụ thể)

BÁO CÁO**Kết quả thanh tra, kiểm tra trong Tháng hành động năm 2016
do địa phương thực hiện****I. Công tác chỉ đạo:**
(nêu cụ thể)**II. Kết quả thanh tra, kiểm tra tại cơ sở thực phẩm** (không bao gồm các cơ sở do đoàn liên ngành Trung ương thực hiện và báo cáo):

1. Việc tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra
 Tổng số đoàn thanh tra, kiểm tra:
 Trong đó:
- 1.1 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến tỉnh:
 1.2 Số đoàn thanh tra, kiểm tra tuyến huyện:
 1.3 Số đoàn kiểm tra tuyến xã:

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Bảng 1: Kết quả thanh tra, kiểm tra:

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số cơ sở được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất				
2	Sơ chế, chế biến				
3	Kinh doanh				
	Tổng số (1 + 2 + 3)				

Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra
1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra		
2	Số cơ sở có vi phạm		
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý		
	Trong đó:		
3.1	Hình thức phạt chính:		
	Số cơ sở bị cảnh cáo		
	Số cơ sở bị phạt tiền		
	Tổng số tiền phạt		
3.2	Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả		
*	Số cơ sở bị đóng cửa		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm		

	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành		
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm		
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy		
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn		
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục		
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo		
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành		
*	Các xử lý khác		
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý		
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)		

Bảng 3: Các nội dung vi phạm chủ yếu

TT	Nội dung vi phạm	Số cơ sở được thanh tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật			
2	Quy định về sử dụng chất cấm, thuốc kháng sinh trong chăn nuôi			
3	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ			
4	Điều kiện về con người			
5	Công bố sản phẩm			
6	Ghi nhãn thực phẩm			
7	Quảng cáo thực phẩm			
8	Chất lượng sản phẩm thực phẩm			
9	Vi phạm khác (ghi rõ)			

Bảng 4: Kết quả kiểm nghiệm mẫu:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu không đạt	Tỷ lệ % không đạt
1	Xét nghiệm tại labo			
1.1	Hóa lý			
1.2	Vi sinh			
	Tổng số xét nghiệm tại labo			
2	Xét nghiệm nhanh			
3	Cộng			

III. Nhận xét, đánh giá chung (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng từ 1 – 4).

IV. Đề xuất kiến nghị (ghi cụ thể)